

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 12/06/2025

“ *V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Hồng Năm

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lữ Kim Hằng

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Sỹ Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST- HNGĐ ngày 06/06/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Tiến H, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Diệu T, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Phi Y, sinh năm: 1965. Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn ông Bùi Tiến H trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện, năm 2015 ông và bà Đặng Thị Diệu T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Việc kết hôn được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau về nhiều vấn đề. Việc mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và có khuyên can hòa giải, nhưng không hàn gắn được.

Nay ông không còn tình cảm với bà T, nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: có một con chung là cháu Bùi Đăng K, sinh ngày 05/03/2016. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng. Hàng tháng ông sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà T là 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Đặng Thị Diệu T vắng mặt trong suốt quá trình làm việc, hòa giải và xét xử nên không có ý kiến trình bày.

**I. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án:

Bị đơn là chị Đặng Thị Diệu T có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai do đó Tòa án huyện Cẩm Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ pháp luật: quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” là đúng theo quy định khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

+ Về tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: anh H là người yêu cầu ly hôn nên Tòa án xác định anh H là nguyên đơn, chị T là bị đơn là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS.

+ Về thời hiệu khởi kiện: Không có thời hiệu

+ Việc áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) hoặc không áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) biện pháp khẩn cấp tạm thời (nếu có): Không có.

+ Về thu thập chứng cứ: Đầy đủ, đúng quy định điều 97 BLTTDS.

+ Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

+ Về thủ tục hòa giải: Bị đơn là chị Đặng Thị Diệu T được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia hòa giải lần thứ 2 nhưng chị T vắng mặt không có lý do, do đó không tiến hành hòa giải được là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

+ Về tạm đình chỉ vụ án: Vụ án không có tạm đình chỉ

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 26/02/2025 Tòa án ra thông báo thụ lý vụ án. Đến ngày 21/5/2025, Tòa án ra Quyết định xét xử là đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quyết định số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2025 đúng quy định tại Điều 202 BLTTDS.

+ Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu: Gửi hồ sơ đúng hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

+ Cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng: Đúng quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 BLTTDS.

- Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

## **II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Tiến H và bà Đặng Thị Diệu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015 ngày 14/3/2015 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tìm được tiếng nói chung. Nay ông H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Diệu T.

Bản thân bà T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng, được triệu tập lên làm việc và tham gia phiên hòa giải nhưng bà T không có ý kiến và đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, điều này cho thấy bà T không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông Bùi Tiến Hải ly H1 với bà Đặng Thị Diệu T.

- Về con chung: ông bà có 01 người con chung là cháu Bùi Đăng K – sinh năm 2016.

Xét thấy, ông H yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H đề nghị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng. Bên cạnh đó, cháu Bùi Đăng K – sinh năm 2016 có nguyện vọng sống cùng bà T và bà T không có ý kiến về con chung.

Do đó, căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Tiến H, giao cháu Bùi Đăng K – sinh năm 2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. ông Bùi Tiến H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Bùi Tiến H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với bà Đặng Thị Diệu T. Bà T có nơi cư trú tại ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử bà T nhận các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và hòa giải. Ngày 6/6/2025 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng bà T vắng mặt không lý do nên hoãn phiên tòa lần thứ nhất, ngày 12/6/2025 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2015 ông Bùi Tiến H và bà Đặng Thị Diệu T kết hôn với nhau tại UBND xã X, huyện C, giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015 ngày 14/3/2015 nên xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo trình bày của ông H thì quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã. Việc mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và có khuyên can hòa giải, nhưng không hàn gắn được.

Theo biên bản xác minh ngày 12/5/2025 tại Công an xã X xác định: “ Bà Đặng Thị Diệu T có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại địa phương”. Tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà T đến làm việc, cung cấp lời khai và hòa giải nhưng bà T không đến làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi với yêu cầu ly hôn của ông H. Đồng thời lời khai của người làm chứng bà Trần Thị Phi Y cũng xác định: “ Vợ chồng ông H, bà T có mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi”. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà T là có thật, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Bà T bỏ mặc cho việc ly hôn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở nên chấp nhận.

3.2 Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Bùi Đăng K, sinh ngày 05/03/2016. Khi ly hôn ông H đồng ý giao cháu K cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng ông H sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà T là 1.000.000đ/ tháng.

Xét yêu cầu trên nhận thấy: Ông H đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu K cũng muốn ở với bà T, nên giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định. Về yêu cầu cấp dưỡng, ông H đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà T là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu K trưởng

thành. Do bà T không có lời khai, ý kiến phản hồi về việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Bùi Tiến H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Đặng Thị Diệu T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Tiến H không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: ông H xác định tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Bùi Tiến H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đ. Theo biên lai thu tiền số 0012968 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Buộc ông H phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ Luật TTDS;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **- Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Tiến H.  
2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Tiến H được ly hôn với bà Đặng Thị Diệu T.

3. Về con chung: Giao cháu Bùi Đăng K, sinh ngày 05/03/2016 cho bà Đặng Thị Diệu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho bà T nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Ông H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Đặng Thị Diệu T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Tiến H không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đ. Theo biên lai thu tiền số 0012968 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Buộc ông H phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Mỹ;
- (số 20 ngày 14/03/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phí Thị Hồng Năm**

